

Bản án số: 651/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-10-2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trịnh Xuân Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Phú Nhuận.

2. Bà Đỗ Thị A.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Phương –Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:* Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1960 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 209 Lô P Chung cư Ngô Gia T, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Ngọc X, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: 209 Lô P Chung cư Ngô Gia T, Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn thì vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1993 ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Ngọc X tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do đôi bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Năm 2012, bà X đã bỏ nhà đi. Ông N đã liên hệ tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức gì của bà X. Năm 2018, ông N gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà X mất tích. Ngày 09/5/2019, Tòa án nhân dân Quận 10 đã ban hành Quyết định số

150/2019/QĐST-DS tuyên bố bà X mất tích. Sau 07 năm không chung sống đến nay tình cảm vợ chồng của ông N đối với bà X không còn nên ông khởi kiện ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông N và bà X có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 27/7/1994 (đã thành niên).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa và không có lời trình bày để bảo vệ quyền lợi của mình. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện những quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 5, khoản 8, khoản 11, khoản 16 Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn N có đơn khởi kiện ly hôn với bà Ngô Thị Ngọc X, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Ngô Thị Ngọc X có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy bà Ngô Thị Ngọc X đã mất tích nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 089/ĐKKH, quyển số I ngày 18/12/1993 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận

10, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà X là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cho thấy quan hệ vợ chồng giữa ông N và bà X phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng với nhau về quan điểm sống và lối sống. Từ năm 2012 cho đến nay, ông N và bà X mỗi người sống một nơi, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục duy trì thì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, yêu cầu ly hôn của ông N là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặt khác, căn cứ vào Quyết định số 150/2019/QĐST-DS ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Quận 10 thì Tòa án đã tuyên bố bà Ngô Thị Ngọc X mất tích. Do đó, ông N có yêu cầu ly hôn thì Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà X theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình “Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào Trích lục khai sinh số 582/TLKS-BS ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 10 và lời khai của nguyên đơn thì ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Ngọc X có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 27/7/1994 (đã thành niên và có đầy đủ khả năng lao động). Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau này nếu các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Ngô Thị Ngọc X.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Ngọc X có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 27/7/1994 (đã thành niên).

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn N khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn N chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0017496 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- UBND P2, Q10 (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Xuân Hương**